



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT  
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán**

*Cho năm tài chính  
kết thúc vào ngày 31/12/2024*

**SVC SVC SVC SVC SVC S  
VC SVC SVC SVC SVC SVC**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024	7 - 8
4. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2024	11 - 31



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU

## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc vào ngày 31/12/2024.

### 1. **Khái quát về Công ty**

Theo Quyết định số 806/QĐ – UBND ngày 17/5/2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Nhà nước nắm giữ 91,88% vốn điều lệ tại công ty cổ phần theo Quyết định số 1359/QĐ – UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn UpCom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 573/QĐ – SGDHN ngày 21/10/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CAM. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 08/11/2021.

Ngày 10/12/2021, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 8376/UBCK-GSĐC về việc dừng xem xét hồ sơ đăng ký công ty đại chúng do vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là dưới 30 tỷ đồng và số lượng nhà đầu tư không phải cổ đông lớn của Công ty nắm giữ dưới 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết nên không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 13.107.000.000 VND.

Vốn góp của chủ sở hữu thực tế tại ngày 31/12/2024 là 13.107.000.000 VND.

### 2. **Cấu trúc Công ty**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 202 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

### 3. **Ngành nghề kinh doanh**

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng và chăm sóc cây xanh, công viên, vườn hoa;
- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông;
- Bán thùng rác công cộng và vật tư ngành môi trường;
- Thiết kế, giám sát các công trình công cộng, cây xanh, công viên, hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước và vệ sinh môi trường;
- Dịch vụ hoá táng (đăng ký bỏ sung tháng 5/2024).

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**4. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2024 và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Dương Thành Nghĩa	Chủ tịch	27/12/2019	
Ông Lưu Minh Hưng	Thành viên	27/12/2019	
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên	27/12/2019	
Ông Trần Lâm Nhã	Thành viên	27/12/2019	

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019 - 2024 được tiếp tục điều hành cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 3833/VP-KT ngày 26/12/2024 và Điều lệ Công ty;

Theo Biên bản số 08/BB.HDQT.2025 ngày 24/01/2025, Hội đồng quản trị thống nhất thông báo trường hợp miễn nhiệm đương nhiên thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Quốc Tuấn theo đơn xin thôi việc và sau khi có Quyết định cho thôi việc do không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

**5. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2024 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lý Kim Nguyên	Trưởng ban	29/04/2021	01/01/2025
Bà Lê Hồng Quyên	Kiểm soát viên	27/04/2021	

Ngày 27/12/2019, Công ty đã họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu, bầu Ban kiểm soát cho Công ty nhiệm kỳ I. Ngày 31/12/2024 Ban kiểm soát kết thúc nhiệm kỳ 5 năm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2030 chưa được bầu lại do chưa đảm bảo điều kiện để UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến theo Công văn số 3833/VP-KT ngày 26/12/2024 về việc nội dung họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty cổ phần Môi trường đô thị Cà Mau.

**6. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đương nhiệm trong năm 2024 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lưu Minh Hưng	Giám đốc	28/12/2020	
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Phó Giám đốc	27/12/2019	01/01/2025
Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Giám đốc	29/04/2021	
Bà Mạc Như Loan	Phụ trách P. Kế toán	01/04/2023	
Ông Lý Kim Nguyên	Kế toán trưởng	01/01/2025	

Cho đến ngày 31/12/2024, Công ty chưa bổ nhiệm chức danh kế toán trưởng, bà Mạc Như Loan phụ trách kế toán sẽ chịu trách nhiệm ký Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Ngày 08/01/2025, Giám đốc Công ty đã ký Quyết định số 02/QĐ-MTĐT về việc cho người lao động thôi việc đối với Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Ngày 31/12/2024, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã ký Quyết định số 128/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty đối với Ông Lý Kim Nguyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU

## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### *Người đại diện theo pháp luật:*

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong năm 2024 và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

#### *Họ tên*

Ông Dương Thành Nghĩa

#### *Chức danh*

Chủ tịch HĐQT

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Ông Lưu Minh Hưng, Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty nên Ông Lưu Minh Hưng sẽ chịu trách nhiệm ký Báo cáo tài chính năm 2024.

### 7. **Đánh giá tình hình kinh doanh**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 31.

### 8. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

Ngày 11/9/2024, Hội đồng xử lý nợ năm 2024 của Công ty thống nhất thẩm định, xác định nợ phải thu khó đòi phát sinh năm 2024 với số tiền 15.981.107 VND theo Biên bản số 42/BB-MTĐT;

Ngày 03/12/2024, Hội đồng xử lý nợ năm 2024 của Công ty thống nhất thẩm định số nợ phải thu khó đòi phát sinh từ năm 2021 đến 2023 với số tiền 899.746.814 VND theo Biên bản số 54/BB-HĐXLN.

### 9. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### 10. **Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

### 11. **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

**12. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cà Mau, ngày 03 tháng 3 năm 2025  
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
  
ĐƯƠNG THÀNH NGHĨA





Số: 35.24.24/2025/BCKT/SV – CNI

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Các cổ đông  
Công Ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau (“Công ty”) được lập ngày 03 tháng 3 năm 2025 từ trang 7 đến trang 31 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Đặng Thị Thiên Nga**  
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462 -2023-107-1  
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt  
Cần Thơ, ngày 03 tháng 3 năm 2025

**Lê Nhật Linh**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3234 -2021-107-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>19.561.097.966</b>	<b>17.673.990.512</b>	
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>12.897.668.016</i>	<i>7.546.122.081</i>	
1. Tiền	111		12.897.668.016	7.546.122.081	
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>3.446.873.010</i>	<i>5.022.660.276</i>	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.224.267.462	3.698.647.834	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	26.313.120	42.219.300	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.196.292.428	1.382.699.286	
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	-	(100.906.144)	
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.6</i>	<i>3.203.526.291</i>	<i>5.039.873.975</i>	
1. Hàng tồn kho	141		3.203.526.291	5.039.873.975	
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>13.030.649</i>	<i>65.334.180</i>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	13.030.649	57.364.746	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.14	-	7.969.434	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.546.178.689</b>	<b>6.357.878.433</b>	
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>299.859.882</i>	<i>249.348.700</i>	
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211	V.8	915.727.921	563.393.000	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.9	(615.868.039)	(314.044.300)	
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>4.126.873.387</i>	<i>5.703.606.492</i>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4.126.873.387	5.703.606.492	
- Nguyên giá	222		25.375.521.410	26.520.735.326	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.248.648.023)	(20.817.128.834)	
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>	<i>V.11</i>	<i>-</i>	<i>77.552.099</i>	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	77.552.099	
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>119.445.420</i>	<i>327.371.142</i>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	119.445.420	327.371.142	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>24.107.276.655</b>	<b>24.031.868.945</b>	

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.000.276.655</b>	<b>10.924.868.945</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>11.000.276.655</i>	<i>10.924.868.945</i>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	32.162.000	47.160.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	287.141.183	33.800.687
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	598.415.369	556.850.404
4. Phải trả người lao động	314	V.15	4.611.513.572	4.691.684.308
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	832.632.875	777.825.146
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	4.638.411.656	4.817.548.400
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.107.000.000</b>	<b>13.107.000.000</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.18</i>	<i>13.107.000.000</i>	<i>13.107.000.000</i>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.107.000.000	13.107.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>24.107.276.655</b>	<b>24.031.868.945</b>

Trương Thị Kim Thảo  
Người lập

Mạc Như Loan  
Phụ trách kế toán



Lưu Minh Hưng  
Giám Đốc


Cà Mau, ngày 03 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		41.053.236.304	37.682.745.104
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	41.053.236.304	37.682.745.104
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	29.418.209.103	25.957.450.977
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	11.635.027.201	11.725.294.127
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	13.049.908	12.288.462
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.3	1.305.267.885	1.266.752.516
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	7.468.171.719	7.431.755.355
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.874.637.505	3.039.074.718
11. Thu nhập khác	31	VI.5	190.582.405	152.019.353
12. Chi phí khác	32	VI.6	3.980.859	170.876.984
13. Lợi nhuận khác	40		186.601.546	(18.857.631)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.061.239.051	3.020.217.087
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	612.343.982	623.304.166
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	V.18	2.448.895.069	2.396.912.921
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	561	527

  
**Trương Thị Kim Thảo**  
 Người lập

  
**Mạc Như Loan**  
 Phụ trách kế toán



  
**Lưu Minh Hưng**  
 Giám đốc

Cà Mau, ngày 03 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	45.856.745.836	42.934.609.867
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(11.063.549.350)	(11.535.945.928)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.551.288.562)	(20.463.615.858)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(621.159.854)	(591.887.395)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.814.731.174	1.093.113.826
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.560.949.089)	(10.739.141.965)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>20</b>	<b>5.874.530.155</b>	<b>697.132.547</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.897.890)	(70.464.099)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	159.911.111	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.147.521	11.352.341
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	<b>30</b>	<b>169.160.742</b>	<b>(59.111.758)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(692.144.962)	(231.437.368)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	<b>40</b>	<b>(692.144.962)</b>	<b>(231.437.368)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	<b>50</b>	<b>5.351.545.935</b>	<b>406.583.421</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	<b>60</b>	<b>7.546.122.081</b>	<b>7.139.538.660</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<b>70</b>	<b>12.897.668.016</b>	<b>7.546.122.081</b>

Trương Thị Kim Thảo  
Người lập

Mạc Như Loan  
Phụ trách kế toán



Lưu Minh Hưng  
Giám đốc

Cà Mau, ngày 03 tháng 3 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Theo Quyết định số 806/QĐ – UBND ngày 17/5/2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Nhà nước nắm giữ 91,88% vốn điều lệ tại công ty cổ phần theo Quyết định số 1359/QĐ – UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 13.107.000.000 VND, tương ứng 1.310.700 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2024 như sau:

Cổ đông	Số lượng CP	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	1.204.300	12.043.000.000	91,88%
- Các cổ đông khác	106.400	1.064.000.000	8,12%
<b>Cộng</b>	<b>1.310.700</b>	<b>13.107.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn UpCom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 573/QĐ – SGDHN ngày 21/10/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CAM. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 08/11/2021.

Ngày 10/12/2021, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 8376/UBCK-GSDC về việc dừng xem xét hồ sơ đăng ký công ty đại chúng do vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là dưới 30 tỷ đồng và số lượng nhà đầu tư không phải cổ đông lớn của Công ty nắm giữ dưới 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết nên không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Cung cấp dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng và chăm sóc cây xanh, công viên, vườn hoa;
- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông;
- Bán thùng rác công cộng và vật tư ngành môi trường;
- Thiết kế, giám sát các công trình công cộng, cây xanh, công viên, hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước và vệ sinh môi trường;
- Dịch vụ hoá táng (đăng ký bổ sung tháng 5/2024).



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Ngày 11/9/2024, Hội đồng xử lý nợ năm 2024 của Công ty thống nhất thẩm định, xác định nợ phải thu khó đòi phát sinh năm 2024 với số tiền 15.981.107 VND theo Biên bản số 42/BB-MTĐT;

Ngày 03/12/2024, Hội đồng xử lý nợ năm 2024 của Công ty thống nhất thẩm định số nợ phải thu khó đòi phát sinh từ năm 2021 đến 2023 với số tiền 899.746.814 VND theo Biên bản số 54/BB-HDXLN.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 202 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

**7. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 183 người.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 196 người.

**8. Thông tin so sánh**

Các số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

**2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

***Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý***

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

***Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4. Nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

**Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:**

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

**Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi:** căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

**Phương pháp tính giá xuất kho:** bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 23 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 10 năm

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**8. Chi phí trả trước**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ dụng cụ**

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

**Các chi phí trả trước khác**

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**9. Chi phí tiền lương**

Công ty trích quỹ tiền lương tính vào chi phí theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

**10. Nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng.Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 11. **Vốn chủ sở hữu**

#### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

### 12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ tại điều lệ của Công ty và Biên bản Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua. Cổ tức năm 2024 sẽ thực hiện chi trả cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### 13. **Doanh thu**

**Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

00445  
CHI  
ĐỒNG  
KIỂM  
SAO  
BẢNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Tiền lãi được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

**14. Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**17. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	30.242.013		153.946.096
Tiền gửi ngân hàng	12.867.426.003	1.1	7.392.175.985
<b>Cộng</b>	<b>12.897.668.016</b>		<b>7.546.122.081</b>

1.1. Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- NH TMCP Công thương VN, CN Cà Mau	12.867.426.003	7.392.175.985
<b>Cộng</b>	<b>12.867.426.003</b>	<b>7.392.175.985</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Nợ xấu	Số đầu năm	Nợ xấu
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	1.224.267.462	-	3.698.647.834	336.353.814
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại Cà Mau	243.047.127	-	162.031.418	-
- Phòng Tài nguyên & Môi trường H.U Minh	152.500.927	-	795.782.725	-
- Phải thu Phòng TN & MT TP. Cà Mau	391.834.607	-	-	-
- Phải thu Phòng TCKH TP. Cà Mau	-	-	1.300.001.000	-
- Phải thu khách hàng sử dụng DVVS nội ô Thành phố Cà Mau	158.945.542	-	721.861.936	336.353.814
- Các khách hàng khác (*)	277.939.259	-	718.970.755	-
<b>Cộng</b>	<b>1.224.267.462</b>	<b>-</b>	<b>3.698.647.834</b>	<b>336.353.814</b>

(\*) Trong đó, bao gồm:

- Khách hàng nợ quá hạn không có khả năng thu hồi: 27.705.598 VND (BC giải trình 13/11/2024 công nợ), Công ty sẽ lập hội đồng xử lý nợ trong năm 2025;
- Khách hàng nợ phải thu cần xác định lại để xử lý đối trừ với nợ phải trả: 108.664.386 VND (không có đối chiếu công nợ 33 khách hàng);
- Khách hàng nợ ngắn hạn tiếp diễn: 141.569.275 đồng (một số khách hàng có đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2024, một số khách hàng đã thanh toán trong tháng 01/2025).

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	26.313.120	-	42.219.300	-
- Các nhà cung cấp khác	26.313.120	-	42.219.300	-
<b>Cộng</b>	<b>26.313.120</b>	<b>-</b>	<b>42.219.300</b>	<b>-</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Dư nợ 138 – Phải thu khác	11.307.120	-	-	-
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	-
Dư nợ 141 – Tạm ứng	51.000.000	-	107.000.000	-
Dư nợ 244 – Ký quỹ	1.917.234.166	-	1.138.212.839	-
- Ký quỹ tại Vietinbank (bao gồm lãi ký quỹ)	1.912.657.569	-	1.132.936.139	-
- Ký quỹ khác	4.576.597	-	5.276.700	-
Dư nợ 3388 – Các khoản phải thu khác	216.751.142	-	137.486.447	-
- Các khoản phải thu người lao động	126.529.305	-	136.395.538	-
- Các khoản phải thu khác	90.221.837	-	1.090.909	-
<b>Cộng</b>	<b>2.196.292.428</b>	<b>-</b>	<b>1.382.699.286</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

*Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2023 như sau:*

	<i>Nợ khó đòi</i>	<i>Đã lập dự phòng</i>	<i>Chưa lập dự phòng</i>
+ Phải thu NH khách hàng	336.353.814	(100.906.144)	235.447.670
<b>Cộng</b>	<b>336.353.814</b>	<b>(100.906.144)</b>	<b>235.447.670</b>

*Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	(100.906.144)	(120.496.200)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(100.906.144)
Kết chuyển sang dự phòng nợ dài hạn	100.906.144	120.496.200
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>(100.906.144)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	84.104.850 6.1	88.164.947
Công cụ, dụng cụ trong kho	79.083.189	66.982.453
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.004.302.102 6.2	4.840.426.465
Hàng hóa tồn kho	36.036.150 6.3	44.300.110
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>3.203.526.291</b>	<b>5.039.873.975</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>3.203.526.291</b>	<b>5.039.873.975</b>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

*6.1. Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho như sau:*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Nguyên vật liệu	76.233.184	59.753.973
- Nhiên liệu	7.871.666	28.410.974
<b>Cộng</b>	<b>84.104.850</b>	<b>88.164.947</b>

*6.2. Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí vệ sinh đô thị chưa quyết toán	3.004.302.102	4.840.426.465
<b>Cộng</b>	<b>3.004.302.102</b>	<b>4.840.426.465</b>

*6.3. Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại như sau:*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Thùng rác các loại và các hàng hóa khác	36.036.150	44.300.110
<b>Cộng</b>	<b>36.036.150</b>	<b>44.300.110</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. Chi phí trả trước**

**7.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hộ lao động chờ phân bổ	13.030.649	57.364.746
<b>Cộng</b>	<b>13.030.649</b>	<b>57.364.746</b>

**7.2. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	20.681.706	119.450.988
Chi phí dịch vụ hóa đơn điện tử	85.800.000	179.400.000
Chi phí sửa chữa tài sản	12.963.714	28.520.154
<b>Cộng</b>	<b>119.445.420</b>	<b>327.371.142</b>

**8. Phải thu dài hạn khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Nợ xấu</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nợ xấu</u>
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	915.727.921	915.727.921	563.393.000	563.393.000
- Phải thu khách hàng sử dụng DVVS nội ô Thành phố Cà Mau	915.727.921	915.727.921	563.393.000	563.393.000
<b>Cộng</b>	<b>915.727.921</b>	<b>915.727.921</b>	<b>563.393.000</b>	<b>563.393.000</b>

**9. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi**

*Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2023 như sau:*

<u>Khoản mục</u>	<u>Nợ khó đòi</u>	<u>Đã lập dự phòng</u>	<u>Chưa lập dự phòng</u>
+ Phải thu NH khách hàng	563.393.000	(314.044.300)	249.348.700
<b>Cộng</b>	<b>563.393.000</b>	<b>(314.044.300)</b>	<b>249.348.700</b>

*Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2024 như sau:*

<u>Khoản mục</u>	<u>Nợ khó đòi</u>	<u>Đã lập dự phòng</u>	<u>Chưa lập dự phòng</u>
+ Phải thu NH khách hàng	915.727.921	(615.868.039)	300.041.882
<b>Cộng</b>	<b>915.727.921</b>	<b>(615.868.039)</b>	<b>300.041.882</b>

Nợ khó đòi phát sinh trong năm 2024 theo Biên bản số 42/BB-MTĐT ngày 11/9/2024 là 15.981.107 VND và từ năm 2021 đến 2023 theo Biên bản số 54/BB-HDXLN ngày 03/12/2024 là 899.746.814 VND.

Nợ khó đòi nêu trên đều được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT - BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(314.044.300)	(80.869.500)
Trích lập dự phòng bổ sung	(200.917.595)	(112.678.600)
Kết chuyển từ dự phòng nợ ngắn hạn	(100.906.144)	(120.496.200)
<b>Số cuối năm</b>	<b>(615.868.039)</b>	<b>(314.044.300)</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

*(Thê hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
<b>Nguyên giá</b>								
Số đầu năm	5.206.533.914	20.897.618.412	416.583.000	-	-	-	26.520.735.326	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	73.361.989	-	-	-	-	-	73.361.989	
Thanh lý, nhượng bán	(44.320.000)	(828.961.905)	(345.294.000)	-	-	-	(1.218.575.905)	
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.235.575.903</b>	<b>20.068.656.507</b>	<b>71.289.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>25.375.521.410</b>	
<b>Hao mòn lũy kế</b>								
Số đầu năm	(3.597.330.271)	(16.803.215.563)	(416.583.000)	-	-	-	(20.817.128.834)	
Khấu hao trong năm	(191.369.292)	(1.458.725.802)	(1.458.725.802)	-	-	-	(1.650.095.094)	
Thanh lý, nhượng bán	44.320.000	828.961.905	345.294.000	-	-	-	1.218.575.905	
<b>Số cuối năm</b>	<b>(3.744.379.563)</b>	<b>(17.432.979.460)</b>	<b>(71.289.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(21.248.648.023)</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>								
Số đầu năm	1.609.203.643	4.094.402.849	-	-	-	-	5.703.606.492	
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.491.196.340</b>	<b>2.635.677.047</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.126.873.387</b>	

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.077.288.981 VND (số đầu năm là 4.558.396.346 VND)
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các Báo cáo tài chính đính kèm*



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**11. Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	77.552.099
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>77.552.099</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Bên liên quan</b>	-	-
<b>Bên thứ ba</b>	<b>32.162.000</b>	<b>47.160.000</b>
- Các nhà cung cấp khác	32.162.000	47.160.000
<b>Cộng</b>	<b>32.162.000</b>	<b>47.160.000</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Bên liên quan</b>	-	-
<b>Bên thứ ba</b>	<b>287.141.183</b>	<b>33.800.687</b>
- Các khách hàng khác	287.141.183	33.800.687
<b>Cộng</b>	<b>287.141.183</b>	<b>33.800.687</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT	-	418.973.198	2.049.461.169	(1.999.080.332)	-	469.354.035
- Thuế TNDN	-	137.877.206	612.343.982	(621.159.854)	-	129.061.334
- Thuế TNCN	7.969.434	-	35.096.416	(27.126.982)	-	-
- Thuế khác	-	-	3.480.859	(3.480.859)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.969.434</b>	<b>556.850.404</b>	<b>2.700.382.426</b>	<b>(2.650.848.027)</b>	<b>-</b>	<b>598.415.369</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.061.239.051	3.020.217.087
- Các khoản điều chỉnh tăng	480.859	96.303.730
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.061.719.910	3.116.520.817
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	3.061.719.910	3.116.520.817
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	612.343.982	623.304.166
Thuế TNDN bị truy thu các năm trước	-	5.859.260
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>612.343.982</b>	<b>629.163.426</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	4.611.513.572	4.691.684.308
<b>Cộng</b>	<b>4.611.513.572</b>	<b>4.691.684.308</b>

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Bên liên quan</b>	-	-
<b>Bên thứ ba</b>	<b>832.632.875</b>	<b>777.825.146</b>
- Cổ tức phải trả	756.206.506	713.682.948
- Các khoản phải trả khác	76.426.369	64.142.198
<b>Cộng</b>	<b>832.632.875</b>	<b>777.825.146</b>

**17. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ khen thưởng CBCNV	2.764.620.388	2.690.328.655
- Quỹ khen thưởng khách hàng	429.705.148	429.705.148
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	146.933.704	138.120.030
- Quỹ phúc lợi	1.297.152.416	1.559.394.567
<b>Cộng</b>	<b>4.638.411.656</b>	<b>4.817.548.400</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**18. Vốn chủ sở hữu**

**(a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>13.107.000.000</b>	<b>-</b>	<b>13.107.000.000</b>
Lợi nhuận trong năm trước	-	2.396.912.921	2.396.912.921
Chi nộp phạt	-	(94.912.413)	(94.912.413)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(138.120.030)	(138.120.030)
Trích quỹ khen thưởng cho CBCNV	-	(1.058.920.234)	(1.058.920.234)
Trích quỹ phúc lợi	-	(414.360.092)	(414.360.092)
Chia cổ tức	-	(690.600.152)	(690.600.152)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>13.107.000.000</b>	<b>-</b>	<b>13.107.000.000</b>
	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>13.107.000.000</b>	<b>-</b>	<b>13.107.000.000</b>
Lợi nhuận trong năm nay	-	2.448.895.069	2.448.895.069
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(146.933.704)	(146.933.704)
Trích quỹ khen thưởng cho CBCNV	-	(1.126.491.732)	(1.126.491.732)
Trích quỹ phúc lợi	-	(440.801.112)	(440.801.112)
Chia cổ tức	-	(734.668.521)	(734.668.521)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>13.107.000.000</b>	<b>-</b>	<b>13.107.000.000</b>

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có  
 Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các Báo cáo tài chính đính kèm



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	91,88	12.043.000.000	91,88	12.043.000.000
Các cổ đông khác	8,12	1.064.000.000	8,12	1.064.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>13.107.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>13.107.000.000</b>

**(b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	13.107.000.000	13.107.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	13.107.000.000	13.107.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	692.144.962	231.437.368

**(c) Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: 734.668.521
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: 734.668.521
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

**(d) Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.310.700	1.310.700
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.310.700	1.310.700
▪ Cổ phiếu thường	1.310.700	1.310.700
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.310.700	1.310.700
▪ Cổ phiếu thường	1.310.700	1.310.700
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp**

**1.1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp năm trước**

	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu dịch vụ công ích	22.140.659.372	15.217.131.697	6.923.527.675	31,27%
- Doanh thu Dịch vụ vệ sinh	10.646.600.630	7.221.904.182	3.424.696.448	32,17%
- Doanh thu rút hầm cầu	417.252.872	301.668.402	115.584.470	27,70%
- Doanh thu khác	4.478.232.230	3.216.746.696	1.261.485.534	28,17%
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>37.682.745.104</b>	<b>25.957.450.977</b>	<b>11.725.294.127</b>	<b>31,12%</b>

**1.2. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp năm nay**

	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu dịch vụ công ích	24.545.909.665	11.536.448.054	13.009.461.611	53,00%
- Doanh thu Dịch vụ vệ sinh	15.047.087.723	16.634.169.106	(1.587.081.383)	(10,55)%
- Doanh thu rút hầm cầu	268.843.520	170.148.869	98.694.651	36,71%
- Doanh thu khác	1.191.395.396	1.077.443.074	113.952.322	9,56%
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>41.053.236.304</b>	<b>29.418.209.103</b>	<b>11.635.027.201</b>	<b>28,34%</b>

**2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	13.049.908	12.288.462
<b>Cộng</b>	<b>13.049.908</b>	<b>12.288.462</b>

**3. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	776.729.515	799.186.950
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	522.965.000	459.180.146
- Chi phí bằng tiền khác	5.573.370	8.385.420
<b>Cộng</b>	<b>1.305.267.885</b>	<b>1.266.752.516</b>

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	5.509.555.156	5.692.521.217
- Chi phí đồ dùng văn phòng	167.990.082	238.507.698
- Chi phí khấu hao TSCĐ	161.708.328	161.708.328
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	200.917.595	213.584.744
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	966.375.896	612.381.869
- Chi phí khác	458.624.662	510.051.499
<b>Cộng</b>	<b>7.468.171.719</b>	<b>7.431.755.355</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý TSCĐ	159.911.111	-
- Thu tiền khách hàng vi phạm hợp đồng	21.597.221	3.851.850
- Thu tiền cho thuê máy móc thiết bị	7.407.408	35.725.927
- Thu nhập khác	1.666.665	112.441.576
<b>Cộng</b>	<b>190.582.405</b>	<b>152.019.353</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phạt chậm nộp thuế	480.859	52.480.329
- Chi khác	3.500.000	118.396.655
<b>Cộng</b>	<b>3.980.859</b>	<b>170.876.984</b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

**7.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế	2.448.895.069	2.396.912.921
- Bù đắp các khoản truy thu thuế các năm trước	-	(94.912.413)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.714.226.548)	(1.611.400.356)
<b>Lợi nhuận sau thuế tính lãi CBTCP</b>	<b>734.668.521</b>	<b>690.600.152</b>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	1.310.700	1.310.700
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>561</b>	<b>527</b>

**7.2. Thông tin khác**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được tính theo lợi nhuận sau thuế đã trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quy định cụ thể tỷ lệ trích lập các quỹ này.

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	5.415.456.157	5.810.181.889
- Chi phí nhân công	23.631.034.434	24.307.332.785
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.650.095.094	1.673.984.551
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	610.226.708	534.886.573
- Chi phí bằng tiền khác	4.771.197.066	4.796.799.523
<b>Cộng</b>	<b>36.078.009.459</b>	<b>37.123.185.321</b>

3750  
NHÀ  
GTY  
MTC  
OVI  
G-TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. *Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có*

2. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan*

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu nhập của Hội đồng quản trị	476.389.842	465.253.498
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	1.439.001.902	1.180.815.377
- Thu nhập của Ban kiểm soát	210.037.859	243.457.945
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>2.125.429.603</b>	<b>1.889.526.820</b>

**2.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

*Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:*

<i>Bên liên quan khác</i>	<i>Quan hệ</i>
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Cà Mau	Cổ đông lớn

*Công ty không có Công nợ với các bên liên quan khác*





**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác.

**3. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Cà Mau. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực môi trường đô thị. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**4. Thông tin về hoạt động liên tục**

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

**5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**NGƯỜI LẬP**

**TRƯƠNG THỊ KIM THẢO**

**PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**

**MẠC NHƯ LOAN**

*Cà Mau, ngày 03 tháng 3 năm 2025*

**GIÁM ĐỐC**



**LƯU MINH HƯNG**